

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,
VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY
PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ
CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN
CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ ÁN LUẬT HỘ TỊCH (SỬA ĐỔI)**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án Luật Hộ tịch (sửa đổi). Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1.1. Cơ sở chính trị

Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị có nhiều chỉ đạo về việc tập trung các nguồn lực để hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương; khẩn trương sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; đồng thời đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu” (Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII; Kết luận số 21/KL/TW ngày 24/1/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về việc tổng kết

Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới).

Ngoài ra, các yêu cầu về đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; thực hiện đơn giản hóa TTHC, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp...cũng là những yêu cầu cấp thiết hiện nay của Đảng và Nhà nước (Nghị quyết số 27 NQ/TW ngày 09/11/2022 tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 16/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026...).

1.1.2. Cơ sở pháp lý

Để bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, ngày 16/6/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 203/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, trong đó quy định: “Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành hai cấp, gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do luật định” (Khoản 4 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 110 Hiến pháp năm 2013).

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025, Luật Tổ chức chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025 quy định về đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phân định rõ thẩm quyền của chính quyền địa phương.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý các nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Luật Tổ chức chính phủ cũng quy định: “Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”; “Trường hợp luật, nghị quyết

của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chưa phù hợp với quy định của Luật này thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành”.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 - đạo luật đầu tiên của Nhà nước ta điều chỉnh vấn đề đăng ký và quản lý hộ tịch - được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 20/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016. Sau gần 10 năm triển khai thực hiện Luật Hộ tịch, công tác đăng ký, quản lý hộ tịch có những bước chuyển biến tích cực, ngày càng nền nếp, hiệu quả; hệ thống các quy phạm pháp luật về hộ tịch tiếp tục được hoàn thiện; năng lực của đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch được nâng cao, hệ thống cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch tiếp tục được củng cố và phát triển; quản lý nhà nước về hộ tịch có nhiều đổi mới, đi vào chiều sâu và toàn diện hơn. Về cơ bản, công tác đăng ký, quản lý hộ tịch thời gian qua đã phục vụ đắc lực cho hoạt động quản lý nhà nước về dân cư, góp phần quan trọng bảo đảm quyền con người và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của công cuộc cải cách tư pháp, cải cách hành chính, nhất là việc tổ chức, sắp xếp lại bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thì lĩnh vực đăng ký, quản lý hộ tịch đã bộc lộ không ít những tồn tại, hạn chế:

Thứ nhất, một số quy định của Luật hộ tịch (về thẩm quyền đăng ký hộ tịch, trách nhiệm quản lý nhà nước về hộ tịch) không còn phù hợp với yêu cầu tổ chức, sắp xếp bộ máy chính quyền địa phương hiện nay. Kết quả rà soát Luật hộ tịch cho thấy, có 26/77 điều của Luật liên quan đến thẩm quyền đăng ký hộ tịch, trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện cần phải sửa đổi để bảo đảm phù hợp với việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp phân quyền, chuyển giao nhiệm vụ của UBND cấp huyện cho UBND cấp xã.

Thứ hai, kết quả tổng kết triển khai thi hành Luật Hộ tịch, tổng kết Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017 – 2024 theo Quyết định số 101/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và tổng hợp kết quả công tác thanh tra, kiểm tra tình hình đăng ký, quản lý hộ tịch tại các địa phương cho thấy, nhiều quy định của Luật Hộ tịch không còn phù hợp cần được sửa đổi, bổ sung kịp thời nhằm bảo đảm hiệu quả của công tác

đăng ký, quản lý hộ tịch cũng như bảo đảm lợi ích của người dân. Trong đó, đặc biệt là các vấn đề sau:

- Luật Hộ tịch có nhiều quy định cụ thể, chi tiết nhưng lại thiếu tính dự báo, dự liệu và chưa có quy định “dự phòng” mang tính linh hoạt để điều chỉnh đối với các trường hợp phát sinh trên thực tế, cũng như chưa có quy định trao quyền chủ động cho người làm công tác hộ tịch để xử lý các vấn đề phát sinh “vì lợi ích của người dân”, nên dẫn đến việc giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch của người dân ở một số địa phương còn máy móc, thụ động, cơ quan đăng ký hộ tịch lúng túng không biết cách xử lý vướng mắc;

Một số quy định cản trở việc thực hiện đăng ký hộ tịch trực tuyến (toàn trình) và chuyển đổi số. Hầu hết các thủ tục đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật hiện nay đều được thực hiện tại UBND có thẩm quyền theo nơi cư trú của người dân (như thường trú – tạm trú – nơi sinh sống thực tế). Đồng thời khi thực hiện đăng ký hộ tịch thì người đi đăng ký hộ tịch phải có mặt để ký vào sổ, nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch. Tất cả các sự kiện hộ tịch sau khi được đăng ký, người dân đều nhận được bản giấy giấy tờ hộ tịch (như Giấy khai sinh, Giấy khai tử, Giấy chứng nhận kết hôn v.v...). Đặc biệt, theo yêu cầu của Luật, công chức tư pháp – hộ tịch vừa phải thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch (sổ giấy) vừa phải nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (CSDLHTĐT).

Với các quy định như vậy của Luật Hộ tịch thì chưa thể triển khai đăng ký hộ tịch trực tuyến toàn trình. Điều này vừa không phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường chuyển đổi số theo Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ, vừa cản trở quá trình hội nhập quốc tế trong lĩnh vực này và ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền và lợi ích của người dân.

Thứ ba, chưa có sự đồng bộ giữa các quy định của Luật Hộ tịch với các quy định pháp luật liên quan. Kể từ khi Luật Hộ tịch được ban hành đến nay, Quốc hội đã ban hành một số Luật, Nghị quyết trong đó có những quy định tác động đến công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và dẫn đến thiếu thống nhất, khiến cho cơ quan đăng ký hộ tịch khó áp dụng hoặc áp dụng không thống nhất khi giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch.

Thứ tư, vẫn còn hạn chế trong quy định về cơ chế liên thông, phối hợp, gắn kết trách nhiệm và chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các ngành có liên quan trong công tác đăng ký, quản lý và thống kê hộ tịch. Nên dẫn đến hiệu quả của công tác phối hợp trong lĩnh vực này chưa cao.

Từ những tồn tại, hạn chế cơ bản như nêu trên, trước yêu cầu của Đảng và Nhà nước trong việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đổi mới tư duy công tác xây dựng pháp luật, thực hiện chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu cải cách TTHC, thì việc xác định những chính sách mới, tiến bộ trong lĩnh vực hộ tịch nhằm tạo hành lang pháp lý rõ ràng, khắc phục những tồn tại, hạn chế và khơi thông các điểm nghẽn là vô cùng cần thiết. Qua đó góp phần tích cực bảo đảm các quyền con người, quyền công dân và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

2.1. Mục đích

- Bảo đảm quy định tại Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, mục tiêu, định hướng về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; chuyển đổi số, cải cách tư pháp, cải cách TTHC hiện nay.

- Bảo đảm các quy định tại Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) phù hợp các quy định của Hiến pháp, có tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, .

2.2. Yêu cầu đánh giá

- Bám sát các tiêu chí đánh giá theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành; đánh giá được sự cần thiết, tính hợp pháp, hợp lý, sự khả thi trong các quy định tại Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi).

- Thuyết minh rõ được tính đơn giản và ưu điểm của TTHC được quy định sửa đổi, bổ sung hoặc được phân quyền, phân cấp và lợi ích về chi phí khi thực hiện.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính

Về cơ bản, Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) đã có bước tiến lớn trong việc đơn giản hóa TTHC, đảm bảo tính tinh gọn, dễ thực hiện và phù hợp với thực tiễn cải cách tư pháp hiện nay, tập trung vào các nội dung chính như sau:

1.1. Đơn giản hóa về số lượng thủ tục hành chính

Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) quy định 17 TTHC, trong đó:

- 10 thủ tục quy định tên, phạm vi, đối tượng, nội dung đăng ký/điều kiện đăng ký, giao Chính phủ quy định chi tiết (bao gồm: 1 - Thủ tục đăng ký khai sinh; 2 - Thủ tục đăng ký kết hôn; 3 - Thủ tục đăng ký giám hộ; 4- Thủ tục đăng

ký chấm dứt giám hộ; 5- Thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ; 6- Thủ tục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ; 7 - Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con; 8 - Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin hộ tịch; 9 - Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết ở cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài; 10 - Thủ tục đăng ký khai tử).

- 07 thủ tục giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành (bao gồm 1 - Thủ tục đăng ký lại kết hôn; 2 - Thủ tục cấp bản sao giấy tờ hộ tịch; 3 – Thủ tục cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch; 4 – Thủ tục cấp văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; 5 - Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động; 6 - Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động; 7 - Thủ tục đăng ký khai tử lưu động).

Hiện nay, rà soát trên cơ sở quy định của Luật Hộ tịch năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết thi hành, lĩnh vực hộ tịch có tổng số 39 TTHC. Như vậy, về số lượng đã cho thấy việc đơn giản hóa đáng kể, xác định theo 02 nội dung sau:

Thứ nhất, mở rộng phạm vi, đối tượng của TTHC, đồng thời cắt giảm các TTHC có tính chất tương tự (ví dụ, mở rộng phạm vi đối tượng của thủ tục đăng ký khai sinh, đồng thời cắt giảm các thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con; đăng ký khai sinh cho người có hồ sơ, giấy tờ cá nhân...).

Thứ hai, nhóm chung TTHC đăng ký có yếu tố nước ngoài tại UBND cấp huyện (trước đây) vào TTHC đăng ký ở UBND cấp xã tương ứng (Ví dụ: TTHC đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài ở cấp huyện trước đây được nhóm chung với thủ tục đăng ký khai sinh ở cấp xã). Chi tiết như sau:

STT	TTHC trước đây	TTHC tại Dự thảo	Nội dung đơn giản hóa
1	Thủ tục đăng ký khai sinh	Thủ tục đăng ký khai sinh	Sửa đổi, bổ sung
2	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài		Bãi bỏ
3	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con		Bãi bỏ
4	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		Bãi bỏ
5	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		Bãi bỏ
6	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người		Bãi bỏ

	đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		
7	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		Bãi bỏ
8	Thủ tục đăng ký lại khai sinh		Bãi bỏ
9	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài		Bãi bỏ
10	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành
11	Thủ tục đăng ký kết hôn ở cấp xã	Thủ tục đăng ký kết hôn	Sửa đổi, bổ sung
12	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở cấp huyện		Bãi bỏ
13	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		Bãi bỏ
14	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành
15	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài		Bãi bỏ
16	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành
17	Thủ tục đăng ký giám hộ	Thủ tục đăng ký giám hộ	Sửa đổi, bổ sung
18	Thủ tục đăng ký giám hộ có		Bãi bỏ

	yếu tố nước ngoài		
19	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Sửa đổi, bổ sung
20	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài		Bãi bỏ
21	Thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ	Thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ	Sửa đổi, bổ sung
22	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Sửa đổi, bổ sung
23	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Sửa đổi, bổ sung
24	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		Bãi bỏ
25	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		Bãi bỏ
26	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Thủ tục thay đổi thông tin hộ tịch	Sửa đổi, bổ sung
27	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài		Bãi bỏ
28	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Sửa đổi, bổ sung
29	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		Bãi bỏ
30	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)		Bãi bỏ

31	Thủ tục đăng ký khai tử	Thủ tục đăng ký khai tử	Sửa đổi, bổ sung
32	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài		Bãi bỏ
33	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		Bãi bỏ
34	Thủ tục đăng ký lại khai tử		Bãi bỏ
35	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài		Bãi bỏ
36	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành
37	Thủ tục Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Thủ tục Cấp văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân	Giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành
38	Thủ tục Cấp trích lục/bản sao hộ tịch	Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch	Giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành
39	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Thủ tục Cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch	Giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành

Như vậy, tổng số TTHC được quy định sửa đổi, bổ sung đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết là 10/39 TTHC; tổng số TTHC được bãi bỏ là 22

TTHC, tổng số TTHC được quy định giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục và biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành là 07 TTHC. Việc giảm thiểu đáng kể số lượng TTHC, tinh gọn danh mục TTHC, cắt giảm 22/39 TTHC (chiếm 56,4%) phù hợp với quan điểm “cắt giảm triệt để, đơn giản hóa tối đa”. Sự thay đổi về mặt số lượng TTHC là cơ sở cho việc tái cấu trúc quy trình, loại bỏ các rào cản hành chính rườm rà nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân. Về mặt lợi ích của người dân, số lượng TTHC giảm tạo thuận lợi cho người dân khi dễ dàng xác định, lựa chọn TTHC phù hợp với yêu cầu của cá nhân, thích hợp với đa dạng đối tượng có trình độ dân trí khác nhau.

1.2. Đơn giản hóa về trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính

Về thành phần hồ sơ, cách thức thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính,

Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) quy định nguyên tắc “*Cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm chủ động khai thác dữ liệu điện tử, tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu liên quan phù hợp với mức độ hoàn thiện của cơ sở dữ liệu, không yêu cầu nộp, xuất trình hoặc tải lên giấy tờ là thành phần hồ sơ, trừ trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác*”. Qua đó, cắt giảm triệt để các giấy tờ người dân phải xuất trình/nộp hoặc tải lên để chứng minh nhân thân/chứng minh tình trạng cư trú, điều kiện đăng ký hộ tịch. Đối với một số việc hộ tịch như đăng ký khai sinh/đăng ký khai tử nếu có giấy chứng sinh/giấy báo tử điện tử do cơ sở y tế cấp thì công chức hộ tịch cũng có trách nhiệm thu thập, tra cứu, trường hợp dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ tự động tới hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử thì cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm chủ động thực hiện đăng ký, giải quyết yêu cầu cho người dân.

Về thẩm quyền đăng ký hộ tịch,

Thẩm quyền đăng ký hộ tịch được quy định tại Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) bao gồm các nội dung chính như sau:

- Phân quyền triệt để cho UBND cấp xã giải quyết các việc hộ tịch, đặc biệt là trong việc chuyển giao thẩm quyền đối với các việc hộ tịch thuộc trách nhiệm thực hiện của UBND cấp huyện trước đây.

- Thay đổi nguyên tắc xác định thẩm quyền, từ xác định thẩm quyền theo nơi cư trú của cá nhân thay bằng thẩm quyền không phụ thuộc vào nơi cư trú của cá nhân.

Việc đơn giản hóa về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết TTHC như nêu trên được đánh giá mang lại lợi ích to lớn đối với cả người dân, xã hội và cơ quan nhà nước.

Thứ nhất, quy định tại Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) đã góp phần giảm đáng kể chi phí trực tiếp khi thực hiện TTHC. Việc giảm thành phần hồ sơ giúp người dân không phải dành thời gian để chuẩn bị hồ sơ, không phát sinh chi phí in ấn hoặc mất thời gian đi lại nhiều lần, tới nhiều nơi để thu thập, chuẩn bị giấy tờ. Theo kết quả đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sơ bộ, thông qua các quy định đơn giản hóa nêu trên, chi phí thực hiện TTHC giảm trung bình từ 40-70%. Riêng các TTHC thiết yếu như đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử, tỷ lệ này đạt mức cao. Đối với thủ tục đăng ký khai sinh, với số lượng hồ sơ trung bình 3.000.000 hồ sơ/năm¹, sau khi cắt giảm các giấy tờ chứng minh nơi cư trú, giấy tờ chứng minh nhân thân, giấy tờ chứng minh sự kiện sinh (như giấy chứng sinh do cơ sở y tế cấp)... mà cơ quan đăng ký hộ tịch có thể tra cứu, chủ động thu thập dữ liệu, chi phí tuân thủ TTHC giảm từ 1.076,85 tỷ đồng xuống còn 299,1 tỷ đồng, cắt giảm được 72,22%. Đối với thủ tục đăng ký kết hôn, với số lượng hồ sơ trung bình 700.000 hồ sơ/năm², sau khi cắt giảm các giấy tờ chứng minh nơi cư trú, giấy tờ chứng minh nhân thân, văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân chứa các thông tin mà cơ quan đăng ký hộ tịch có thể tra cứu..., chi phí tuân thủ TTHC giảm từ 219,784 tỷ đồng xuống còn 123,234 tỷ đồng, cắt giảm được 43,93%. Đối với thủ tục đăng ký khai tử, căn cứ số lượng hồ sơ trung bình 600.000 hồ sơ/năm³, sau khi cắt giảm các giấy tờ chứng minh nơi cư trú, giấy tờ chứng minh nhân thân, giấy tờ chứa các thông tin mà cơ quan đăng ký hộ tịch có thể tra cứu có liên quan đến nội dung đăng ký khai tử..., chi phí tuân thủ TTHC giảm từ 219,65 tỷ đồng xuống còn 71,015 tỷ đồng, cắt giảm được 67,67%.

Thứ hai, các quy định về đơn giản hóa TTHC trong Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) cũng giảm thiểu chi phí cơ hội, tiết kiệm thời gian cho người dân trong quá trình thực hiện TTHC. Việc cắt giảm giấy tờ là thành phần hồ sơ TTHC tạo thuận lợi cho người dân khi không cần thiết phải có mặt tại cơ quan đăng ký hoặc đến cơ quan bưu chính để nộp/gửi hồ sơ. Qua đó, góp phần thúc đẩy việc giải quyết TTHC toàn trình. Ngoài ra, việc quy định thẩm quyền giải quyết tại UBND cấp xã không phụ thuộc vào nơi cư trú cũng tạo thuận lợi hơn cho người dân khi thực hiện yêu cầu đăng ký hộ tịch. Trường hợp lựa chọn nộp hồ sơ trực tiếp, người dân hoàn toàn có thể lựa chọn Trung tâm phục vụ hành chính công

¹ Số liệu trung bình dựa trên kết quả giải quyết TTHC theo báo cáo tổng kết thi hành Luật Hộ tịch (giai đoạn 2016-2024)

² Tương tự như trên.

³ Tương tự như trên.

gần khu vực sinh sống để nộp và thực hiện TTHC, nếu có yêu cầu nhận kết quả giải quyết TTHC bản giấy, không bắt buộc phải đến UBND cấp xã nơi cư trú nếu khoảng cách đi lại xa hơn), góp phần giảm thiểu thời gian đi lại, tiết kiệm thời gian, công sức cũng như tiền bạc.

Thứ ba, quy định đơn giản hóa TTHC cũng góp phần hỗ trợ tối ưu hóa nguồn lực của bộ máy nhà nước. Với quy định việc khai thác thông tin của người dân trên cơ sở dữ liệu có liên quan, công chức hộ tịch sẽ không phải mất thời gian cập nhật thông tin thủ công vào Sổ hộ tịch giấy hoặc Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử. Thay vào đó, nhờ ứng dụng công nghệ, các thông tin thu thập được có thể chuyển tự động theo thao tác của công chức hộ tịch. Do đó, việc giải quyết nghiệp vụ hộ tịch cũng được giảm thiểu thời gian thực hiện, đồng thời hạn chế được những sai sót do nhập thông tin không chính xác.

Ngoài ra, việc cắt giảm thành phần hồ sơ giấy cũng hạn chế được khó khăn trong việc bố trí hạ tầng lưu trữ/kho lưu trữ hồ sơ bản giấy hiện nay.

Đánh giá chung, việc sửa đổi, bổ sung TTHC tại Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) đã đảm bảo sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp cũng như giảm thiểu đáng kể chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

Các TTHC đưa ra trong nội dung dự án Luật Hộ tịch (sửa đổi) về cơ bản chỉ cấu thành tên TTHC và một số nội dung chính (như đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết), chưa hình thành hoàn chỉnh nội dung TTHC (chưa bao gồm đầy đủ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí) và dự kiến giao văn bản hướng dẫn Luật sẽ quy định hướng dẫn chi tiết. Vì vậy, trong báo cáo này việc đánh giá tác động TTHC trong dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) chỉ thực hiện đánh giá về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và một số bộ phận cấu thành được quy định trực tiếp tại Dự án Luật Hộ tịch (sửa đổi), việc đánh giá tác động của TTHC sẽ tiếp tục được thực hiện tại văn bản quy định chi tiết do văn bản này sẽ quy định cụ thể trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu giấy chứng nhận, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí,... của các TTHC nêu trên. Về tính chi phí tuân thủ của từng thủ tục hành chính, các TTHC chưa đầy đủ cấu thành, vì vậy, Bộ Tư pháp sẽ thực hiện việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC tại văn bản quy định chi tiết và biện pháp tổ chức thi hành, hướng dẫn thực hiện đối với các TTHC này. Nội dung đánh giá chi phí tuân thủ TTHC được đề cập tại mục 1.2 được đánh giá trong điều kiện TTHC được cắt giảm triệt để thành phần hồ sơ giấy tờ, công chức hộ tịch có thể thực hiện tra cứu khai thác toàn bộ dữ liệu liên quan đến thông tin hồ sơ thủ tục hành chính từ các cơ sở dữ liệu có liên quan, nhằm mục đích đánh giá tính ưu việt, hiệu quả

trong định hướng xây dựng theo nguyên tắc được xác định tại Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi).

(Chi tiết tại Biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính).

2. Việc phân quyền, phân cấp

Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) quy định theo hướng phân quyền toàn bộ thẩm quyền đăng ký hộ tịch cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp tỉnh và Trung ương chỉ thực hiện nhiệm vụ quản lý; chuyển giao thẩm quyền đăng ký hộ tịch của UBND cấp huyện (trước đây) cho UBND cấp xã.

Việc quy định phân quyền theo hướng như trên là phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII; Kết luận số 21/KL/TW ngày 24/1/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Đồng thời, việc phân quyền giải quyết TTHC từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã cũng phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Tổ chức quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Để thực hiện nội dung được phân quyền theo quy định của Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi), đòi hỏi nhà nước phải có cơ chế bảo đảm nguồn lực để đáp ứng yêu cầu giải quyết TTHC với số lượng lớn, phù hợp với quy mô dân số hiện nay của đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó, vấn đề đảm bảo nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng và then chốt, cần đảm bảo biên chế công chức hộ tịch đáp ứng đủ yêu cầu phục vụ hành chính công cho người dân, song song với đó là cần bố trí đào tạo, tập huấn chuyên sâu, đặc biệt là những nghiệp vụ hộ tịch trước đây không được giao cho UBND cấp xã thực hiện (các nghiệp vụ hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện trước đây). Ngoài ra, vấn đề đảm bảo đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc để giải quyết yêu cầu TTHC cũng cần được ưu tiên.

Trên cơ sở đó, Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) đã quy định Chính phủ chỉ đạo rà soát, kiện toàn người làm công tác hộ tịch; quy định điều kiện, tiêu chuẩn của người làm công tác hộ tịch bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong Luật. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết về trách nhiệm quản lý nhà nước về hộ tịch của Chính phủ, các bộ thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Nhìn chung, quy định về phân quyền tại Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) đã đảm bảo phù hợp và toàn diện.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) quy định chương riêng về Cơ sở dữ liệu hộ tịch trong đó có việc xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch, thông tin và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, bảo vệ Cơ sở dữ liệu hộ tịch. Theo đó, nội dung các điều, khoản tập trung quy định một cách toàn diện về việc xây dựng, hoàn thiện, thu thập thông tin, kết nối, khai thác thông tin...bảo đảm dữ liệu hộ tịch “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, được mở rộng, nâng cấp, phát triển, kết nối, chia sẻ, liên thông, đồng bộ với các cơ sở dữ liệu khác.

Về tính hợp pháp, các quy định tại Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) cơ bản phù hợp với một số văn bản chỉ đạo về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Về tính hợp lý, hiện nay Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đã kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và thực hiện 11/11 dịch vụ đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngoài ra, theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ quy định về cắt giảm, đơn giản hoá TTHC dựa trên dữ liệu thì thông tin trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được khai thác và sử dụng thay thế các giấy tờ: Giấy khai sinh hoặc Trích lục khai sinh; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Giấy chứng tử hoặc Giấy khai tử hoặc Trích lục khai tử. Vì vậy, đối tượng sử dụng, khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử không chỉ là Bộ Tư pháp, các Sở Tư pháp, các cơ quan đăng ký hộ tịch mà còn là Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Tài chính...và nhiều bộ, ngành có TTHC trong thành phần hồ sơ yêu cầu phải có các giấy tờ nêu trên. Đến thời điểm hiện nay, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử cũng sẵn sàng để kết nối,

chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác. Do đó, việc quy định tại Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) là thống nhất, phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tiễn hiện nay.

Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) đặt yêu cầu phát triển Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử trở thành Cơ sở dữ liệu quốc gia để đảm bảo giá trị sử dụng của dữ liệu cũng như đảm bảo tính bảo mật, an toàn thông tin, dữ liệu thông tin cá nhân. Cũng thông qua việc nâng cấp lên Cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống sẽ có khả năng được mở rộng, xử lý dữ liệu lớn hơn nên việc tra cứu thông tin để giải quyết các TTHC sẽ được đáp ứng kịp thời, việc giải quyết TTHC trên nền tảng hệ thống cũng sẽ bảo đảm thông suốt, tránh tình trạng phải chờ đợi, qua đó làm giảm chi phí xã hội, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân. Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) giao Chính phủ quy định lộ trình nâng cấp Cơ sở dữ liệu hộ tịch thành cơ sở dữ liệu quốc gia.

Về cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện, đây là vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) cũng đã quy định giao Chính phủ quy định việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Về cơ bản, các quy định trong Dự thảo Luật Hộ tịch sửa đổi phù hợp với yêu cầu bảo đảm quyền bình đẳng về cơ hội, điều kiện, năng lực thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) không có quy định hạn chế quyền đăng ký hộ tịch của mỗi giới, bất kỳ ai cũng có quyền bình đẳng như nhau khi thực hiện quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Luật Hộ tịch không quy định vấn đề đặc thù để đảm bảo thực hiện chính sách dân tộc cụ thể. Tuy nhiên, các quy định tại Dự thảo hiện nay được đánh giá có sự phù hợp với nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của dân tộc; quyền bình đẳng giữa các dân tộc; giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống, văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Dự thảo Luật Hộ tịch (sửa đổi) quy định về việc) Thay đổi thông tin về dân tộc khi xác định lại dân tộc theo quy định của pháp luật dân sự; xác định lại dân tộc của trẻ em bị bỏ rơi sau khi xác định được cha, mẹ đẻ là phù hợp và thống nhất với quy định của Bộ luật Dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Ngoài ra, trong việc quy định phương thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Dự thảo Luật Hộ tịch cho phép người dân lựa chọn thực hiện

TTHC trong lĩnh vực hộ tịch theo hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp. Điều này là phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng, miền, phù hợp với nguyên tắc Nhà nước phục vụ nhân dân theo quy định tại Điều 8 Hiến pháp năm 2013. Về mặt xã hội, người dân ở vùng sâu, vùng xa, trong đó có cả nhóm người dân tộc thiểu số có thể gặp khó khăn trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến do hạn chế về thiết bị, đường truyền Internet hoặc kỹ năng số. Việc duy trì hình thức nộp hồ sơ trực tiếp giúp đảm bảo khả năng tiếp cận quyền nhân thân cơ bản của một số nhóm yếu thế, trong đó có vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

III. PHỤ LỤC

(Kèm theo Biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính).